

Series cứu nguy kỳ thi CFA tháng 8 — Phần 1: Ethics + FSA

CFA Level I · Song ngữ Việt–Anh · Bộ này lớn dần mỗi tuần

Mình soạn series này cho giai đoạn nước rút trước kỳ thi tháng 8 — toàn những thứ mình ước có ai đưa cho mình từ hồi mới ôn.

Phần 1 (bản này) có gì:

- **Bẫy từ ngữ Ethics — P1** — 3 bẫy *must/should, least likely, most appropriate* + bảng phân định 5 cặp tình huống dễ nhầm nhất.
- **FSA cấp tốc** — bảng công thức 4 nhóm ratio + 5 bẫy kinh điển (inventory, khấu hao, leases, thuế hoãn lại, phân loại dòng tiền).
- **20 câu tự luyện** kèm đáp án giải thích 1 dòng.

Các phần sau — đăng dần trong tháng 7: Quant · Fixed Income · Equity · Derivatives · Ethics traps P2...

! Bẫy từ ngữ Ethics — 3 bẫy lớn (P1)

Ethics chiếm 15–20% điểm Level I, và phần lớn điểm mất không phải vì không hiểu chuẩn mực — mà vì đọc trượt một chữ tiếng Anh. Người Việt mình còn thiệt kếp: nhiều cặp từ dịch sang tiếng Việt nghe y hệt nhau.

Bẫy 1 — *must/required* vs *should/recommended*

Tiếng Việt dịch cả hai thành "phải" là chết. Standards phân biệt rạch ròi: *must/required* = bắt buộc, vi phạm là vi phạm; *should/recommended* = chỉ là khuyến nghị, không làm chưa chắc đã vi phạm. Ba ví dụ kinh điển:

- **Lưu trữ hồ sơ (record retention)** tối thiểu 7 năm là **KHUYẾN NGHỊ** của CFA Institute (Standard V(C)) — áp dụng khi không có quy định pháp lý hay chính sách công ty cụ thể hơn, **KHÔNG** phải bắt buộc.
- Phát hiện vi phạm pháp luật: **tách mình khỏi vi phạm (dissociate)** là **BẮT BUỘC** (Standard I(A)) — nhưng báo cáo lên cơ quan quản lý thì Standards không bắt buộc, trừ khi luật yêu cầu.
- **Phí giới thiệu (referral fee)**: khai báo cho employer, client và **khách hàng tiềm năng (prospective clients)** là **BẮT BUỘC** (Standard VI(C)) — và phải khai báo **TRƯỚC** khi họ hành động theo lời giới thiệu.

Ví dụ kiểu đề: "An analyst **must** retain research records for seven years." — nghe rất giống bài đã học, nhưng chữ *must* biến câu này thành sai.

Cách né: gặp *must/should* trong câu hỏi, tự hỏi ngay: "điều này Standards **YÊU CẦU** hay chỉ **KHUYẾN NGHỊ**?" — đừng chỉ khớp nội dung mà quên khớp mức độ.

Bẫy 2 — *least likely*

Não đọc lướt sẽ tự bỏ chữ *least*. Đề hỏi hành vi nào **ÍT** có khả năng vi phạm nhất, bạn lại đi tìm hành vi vi phạm rõ nhất — chọn xong còn thấy tự tin.

Ví dụ kiểu đề: "Which of the following is *least likely* a violation of Standard II(A)?" — đáp án đúng lại là hành vi **KHÔNG** vi phạm: ghép thông tin công khai + thông tin không trọng yếu để tự ra kết luận đầu tư, tức **lý thuyết ghép mảnh (mosaic theory)**.

Cách né: gạch chân (trong đầu) *least / most* **TRƯỚC** khi đọc đáp án, và đọc lại câu hỏi một lần nữa sau khi đã chọn.

Bẫy 3 — *most appropriate*

Nhiều đáp án nghe đều "không sai", nhưng đề hỏi đáp án **TỐT NHẤT** — thường là hành động chủ động và đúng trình tự, không phải hành động "đủ để không vi phạm".

- **Người giám sát (supervisor)** nhận tín hiệu nhân viên vi phạm (Standard IV(C)): "nhắc nhở riêng" hay "chuyển cho compliance rồi thôi" đều chưa đủ — đáp án *most appropriate* là **giới hạn hoạt động của nhân viên + tiến hành điều tra** cho tới khi có kết luận.
- Vô tình nghe được **thông tin trọng yếu chưa công bố (material nonpublic information — MNPI)** (Standard II(A)): không trade là đương nhiên — nhưng đáp án tốt nhất thường là **nỗ lực để công ty công bố thông tin ra công chúng** (và báo compliance để đưa mã vào danh sách hạn chế).

Cách né: loại đáp án "không sai nhưng thụ động" trước; giữa các đáp án còn lại, chọn cái vừa xử lý vi phạm vừa bảo vệ client/thị trường.

Ethics còn nhiều bẫy nữa — *soft dollars, trade allocation, GIPS*... Các phần sau của series sẽ mổ tiếp từng cụm.



Bảng quyết định Ethics — 5 cặp dễ nhầm

Học thuộc từng Standard rồi vẫn rối vì dễ trộn hai tình huống na ná nhau. Bảng này là "cái phanh" trước khi khoan.

Tình huống dễ nhầm	Phân định
Thông tin trọng yếu chưa công bố (MNPI) vs lý thuyết ghép mảnh (mosaic theory) — Standard II(A)	Hành động dựa trên thông tin VỪA trọng yếu VỪA chưa công bố = vi phạm, bất kể lấy thông tin bằng cách nào (kể cả vô tình nghe được). Tự ghép thông tin CÔNG KHAI + thông tin KHÔNG trọng yếu để ra kết luận = mosaic theory, KHÔNG vi phạm. Hỏi 2 câu: có trọng yếu không? có chưa công bố không? Thiếu 1 trong 2 → không phải MNPI.
Tính phù hợp (suitability) — III(C) vs trung thành, thận trọng và cẩn trọng (loyalty, prudence, and care) — III(A)	III(A) trả lời câu "lợi ích của ai được đặt trước?" — client đứng trước employer và bản thân (ví dụ: chọn broker vì lợi ích riêng thay vì tốt nhất cho client → III(A)). III(C) trả lời câu "khoản đầu tư có HỢP với client không?" — phải tìm hiểu mục tiêu, mức chấp nhận rủi ro, ràng buộc, và xét trong TỔNG THỂ danh mục (sản phẩm rủi ro cao bán cho người về hưu cần thu nhập → III(C)).
Trình bày sai lệch (misrepresentation) vs đạo văn (plagiarism) — cùng Standard I(C)	Đề bầy bạn đi tìm một "standard riêng về đạo văn" — không có: plagiarism là MỘT DẠNG misrepresentation dưới I(C). Misrepresentation = tuyên bố sai hoặc bỏ sót gây hiểu nhầm (cam kết lợi nhuận, cherry-pick số liệu, giấu rủi ro). Plagiarism = dùng công trình người khác không ghi nguồn — nguồn là tài liệu CÔNG KHAI cũng không miễn nghĩa vụ trích dẫn.
Ưu tiên giao dịch (priority of transactions) — VI(B)	Thứ tự cố định: giao dịch của client trước → employer sau → tài khoản cá nhân cuối cùng. Được phép đầu tư cá nhân — chỉ không được đặt lệnh chạy trước client (front-running). Để tả "đặt lệnh cá nhân xong mới nhập lệnh client" → vi phạm, dù cùng một phiên.
Quà từ client vs quà từ bên thứ ba — I(B) độc lập và khách quan (independence and objectivity) + IV(B)	Phép thử của I(B): một người bình thường có thấy món quà đủ sức lung lay tính khách quan không? Quà khiêm tốn (bữa ăn, đồ lưu niệm) nhìn chung chấp nhận được. Quà xa hoa từ bên muốn tác động khuyến nghị (issuer đãi thọ du lịch cho analyst đang cover họ) → từ chối. Nhận thù lao/quà từ client hay bên ngoài mà có thể xung đột với lợi ích employer → Standard IV(B): cần văn bản đồng ý của các bên liên quan, nhất là employer.

Bảng công thức FSA — 4 nhóm ratio

Thanh khoản (liquidity)

- **Tỷ số thanh toán hiện hành (current ratio)** = Tài sản ngắn hạn ÷ Nợ ngắn hạn
- **Tỷ số thanh toán nhanh (quick ratio)** = (Tiền + Đầu tư ngắn hạn + Phải thu) ÷ Nợ ngắn hạn
- **Tỷ số tiền mặt (cash ratio)** = (Tiền + Đầu tư ngắn hạn) ÷ Nợ ngắn hạn

Đòn bẩy / khả năng trả nợ (solvency)

- **Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu (debt-to-equity)** = Tổng nợ vay ÷ Tổng vốn chủ sở hữu
- **Tỷ số nợ trên vốn (debt-to-capital)** = Tổng nợ vay ÷ (Tổng nợ vay + Vốn chủ sở hữu) — nợ vay = nợ chịu lãi (ngắn + dài hạn), không phải toàn bộ liabilities
- **Tỷ số đảm bảo lãi vay (interest coverage)** = EBIT ÷ Chi phí lãi vay

Sinh lời (profitability)

- **Tỷ suất lợi nhuận gộp (gross profit margin)** = Lợi nhuận gộp ÷ Doanh thu
- **Biên lợi nhuận hoạt động (operating profit margin)** = Lợi nhuận hoạt động ÷ Doanh thu
- **Tỷ suất lợi nhuận ròng (net profit margin)** = Lợi nhuận ròng ÷ Doanh thu
- **Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (return on assets — ROA)** = Lợi nhuận ròng ÷ Tổng tài sản bình quân
- **Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (return on equity — ROE)** = Lợi nhuận ròng ÷ Vốn chủ sở hữu bình quân
- **Phân tích DuPont (DuPont analysis)** 3 bước: $ROE = \text{Tỷ suất LN ròng} \times \text{Vòng quay tài sản} \times \text{Đòn bẩy tài chính}$
 $= (\text{LN ròng} \div \text{Doanh thu}) \times (\text{Doanh thu} \div \text{Tổng TS bình quân}) \times (\text{Tổng TS bình quân} \div \text{VCSH bình quân})$

Hiệu quả hoạt động (activity)

- **Vòng quay hàng tồn kho (inventory turnover)** = Giá vốn hàng bán (COGS) ÷ Tồn kho bình quân
- **Số ngày tồn kho (days of inventory on hand — DOH)** = $365 \div \text{Vòng quay hàng tồn kho}$
- **Vòng quay khoản phải thu (receivables turnover)** = Doanh thu ÷ Phải thu bình quân
- **Số ngày phải thu (days of sales outstanding — DSO)** = $365 \div \text{Vòng quay khoản phải thu}$
- **Vòng quay khoản phải trả (payables turnover)** = Giá trị mua hàng (purchases) ÷ Phải trả bình quân — purchases $\approx$ COGS + Δ tồn kho; để không cho purchases thì mới xấp xỉ bằng COGS
- **Số ngày phải trả (days of payables — DPO)** = $365 \div \text{Vòng quay khoản phải trả}$
- **Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt (cash conversion cycle — CCC)** = DOH + DSO – DPO

Mẹo hay bị bẫy: phải thu quay theo **doanh thu**; tồn kho theo **COGS**; phải trả theo **purchases** (để không cho purchases mới xấp xỉ bằng COGS). Đề cố tình cho nhiều con số để bạn chọn nhầm mẫu số.

Quy ước: số **bình quân** đầu–cuối kỳ chỉ áp dụng cho ratio nối P&L với balance sheet (ROA, ROE, các vòng quay); ratio thanh khoản/đòn bẩy dùng số cuối kỳ trừ khi đề nói khác.

5 bấy FSA kinh điển

1. Hàng tồn kho — FIFO vs LIFO khi giá TĂNG

FIFO đẩy chi phí cũ (rẻ) vào **giá vốn hàng bán (cost of goods sold — COGS)** → COGS thấp hơn, lợi nhuận gộp CAO hơn, tồn kho cuối kỳ CAO hơn (mang chi phí mới). LIFO ngược lại toàn bộ. Và một câu ăn điểm miễn phí: **IFRS cấm LIFO** — chỉ US GAAP cho dùng. *Mẹo nhớ:* giá lên + FIFO = lợi nhuận và tồn kho đều "đẹp" hơn — đổi lại lợi nhuận chịu thuế cao hơn nên thuế phải nộp cũng nhiều hơn (chính là lý do nhiều công ty US GAAP chuộng LIFO). Để nói công ty theo IFRS mà dùng LIFO → sai ngay từ đề bài, đó chính là đáp án.

2. Khấu hao — đổi ước tính là chuyển của TƯƠNG LAI

Thay đổi **thời gian hữu dụng (useful life)** hay **giá trị thanh lý (salvage value)** là **thay đổi ước tính kế toán (change in accounting estimate)** → áp dụng **prospective** (từ kỳ hiện tại trở đi), KHÔNG điều chỉnh hồi tố báo cáo cũ. *Mẹo nhớ:* ước tính → tiến về trước. Đáp án nào bắt "restate" báo cáo cũ cho một thay đổi ước tính → loại.

3. Leases — dưới IFRS 16, lessee chỉ có MỘT model

Với **bên đi thuê (lessee)**, IFRS 16 dùng một model duy nhất: gần như mọi hợp đồng thuê đều lên bảng cân đối thành **tài sản quyền sử dụng (right-of-use asset)** + nợ thuê — ngoại lệ chỉ có thuê ngắn hạn (≤ 12 tháng) và tài sản giá trị thấp. Phân biệt **thuê tài chính (finance lease)** vs **thuê hoạt động (operating lease)** cho lessee chỉ còn tồn tại dưới US GAAP (ASC 842); dưới IFRS 16, phân loại đó chỉ áp dụng cho lessor. *Mẹo nhớ:* đề hỏi lessee phân loại finance/operating "theo IFRS" → chính câu hỏi là cái bấy.

4. Thuế hoãn lại — sống trước thì nợ sau

Nợ thuế thu nhập hoãn lại (deferred tax liability — DTL) sinh ra từ **chênh lệch tạm thời chịu thuế (taxable temporary difference)**: khi **giá trị ghi sổ (carrying amount)** của tài sản lớn hơn **cơ sở tính thuế (tax base)**. Ví dụ kinh điển: khấu hao cho mục đích thuế nhanh hơn khấu hao sổ sách năm đầu → hôm nay nộp thuế ít hơn, các năm sau nộp nhiều hơn = DTL. Chênh lệch tạm thời luôn đảo chiều theo thời gian — khác chênh lệch vĩnh viễn. *Mẹo nhớ:* thuế "sống trước" (nộp ít hơn hôm nay) = "nợ sau" (DTL).

5. Phân loại dòng tiền — US GAAP cứng, IFRS mềm

Khoản mục	US GAAP	IFRS
Lãi vay đã trả (interest paid)	CFO	CFO hoặc CFF
Lãi nhận được (interest received)	CFO	CFO hoặc CFI
Cổ tức nhận được (dividends received)	CFO	CFO hoặc CFI
Cổ tức đã trả (dividends paid)	CFF	CFO hoặc CFF

Mẹo nhớ: US GAAP = mọi thứ vào **dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO)**, trừ cổ tức TRẢ ra (CFF). IFRS = được chọn: khoản NHẬN → CFO hoặc CFI; khoản TRẢ → CFO hoặc CFF. Hệ quả dễ hay khai thác: công ty lập BCTC theo IFRS đẩy lãi vay đã trả sang CFF → CFO trông cao hơn hẳn công ty theo US GAAP cùng ngành.



Mini-questions — Ethics (câu 1–10)

Câu nhận định: trả lời **Đ** (đúng) / **S** (sai). Câu trắc nghiệm: chọn A/B/C. Đáp án + giải thích ở trang cuối — làm hết rồi hãy lật. (**Đề thi thật là trắc nghiệm 3 lựa chọn, không có dạng đúng/sai — Đ/S ở đây chỉ để luyện nhanh wording.**)

Ethics — bẫy wording (câu 1–10)

- (Đ/S) Theo Standard V(C), thành viên **BẮT BUỘC** lưu hồ sơ phân tích tối thiểu 7 năm trong mọi trường hợp.
- (Đ/S) Phát hiện employer đang vi phạm pháp luật, thành viên bắt buộc phải báo cáo lên cơ quan quản lý.
- (Đ/S) Nhận **phí giới thiệu (referral fee)** là được phép, miễn là khai báo cho employer và khách hàng/khách hàng tiềm năng trước khi họ hành động theo lời giới thiệu.
- Một analyst ghép báo cáo ngành công khai với ghi chú từ chuyến thăm nhà máy (thông tin không trọng yếu) và ra khuyến nghị mua. Theo Standard II(A), analyst này:
A) Vi phạm — đã dùng thông tin chưa công bố
B) Không vi phạm — đây là **lý thuyết ghép mảnh (mosaic theory)**
C) Chỉ vi phạm nếu trade cho tài khoản cá nhân
- Vô tình nghe được **thông tin trọng yếu chưa công bố (MNPI)** về một thương vụ. Hành động nào **KHÔNG** được phép?
A) Khuyến khích công ty công bố thông tin ra công chúng
B) Báo compliance để đưa mã vào danh sách hạn chế
C) Chia sẻ cho đồng nghiệp cùng team "để tham khảo"
- Supervisor nhận nhiều tín hiệu một nhân viên có thể đang giao dịch sai phạm. Hành động *most appropriate* theo Standard IV(C):
A) Chờ thêm bằng chứng chắc chắn rồi mới hành động
B) Giới hạn hoạt động của nhân viên + tiến hành điều tra
C) Nhắc nhở riêng và tự theo dõi thêm
- (Đ/S) Trong câu hỏi *least likely*, đáp án đúng có thể là một hành vi hoàn toàn **KHÔNG** vi phạm.
- (Đ/S) Theo Standard VI(B), lệnh cho tài khoản cá nhân được đặt trước lệnh của employer, miễn là lệnh của client đã xong.
- Một analyst chép nguyên đoạn phân tích từ báo cáo công khai của ngân hàng khác vào research của mình, không ghi nguồn. Theo Standards:
A) Không vi phạm — nguồn là tài liệu công khai
B) Vi phạm Standard I(C) — **đạo văn (plagiarism)**
C) Chỉ vi phạm nếu nội dung chép bị sai
- (Đ/S) Nếu luật địa phương cho phép giao dịch dựa trên MNPI, thành viên CFA Institute được phép giao dịch tại đó.

 Mini-questions — FSA (câu 11–20)

Tính nhanh + bẫy khái niệm. Vẫn quy ước cũ: Đ/S hoặc chọn A/B/C — đáp án ở trang sau.

- 11.** Tiền 40, phải thu 80, tồn kho 60, nợ ngắn hạn 80 (triệu USD; không có đầu tư ngắn hạn). **Tỷ số thanh toán nhanh (quick ratio):**
A) 2.25 · B) 1.50 · C) 0.50
- 12.** Lợi nhuận ròng 80; tổng tài sản đầu kỳ 700, cuối kỳ 900 (triệu USD). **ROA:**
A) 8.9% · B) 11.4% · C) 10%
- 13.** Tỷ suất LN ròng 6%, vòng quay tài sản 1.2, đòn bẩy tài chính 2.5. Theo **phân tích DuPont (DuPont analysis)** 3 bước, ROE:
A) 18% · B) 7.2% · C) 15%
- 14.** DOH 50 ngày, DSO 40 ngày, DPO 60 ngày. **Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt (cash conversion cycle):**
A) 30 ngày · B) 50 ngày · C) 150 ngày
- 15.** EBIT 120, chi phí lãi vay 40 (triệu USD). **Tỷ số đảm bảo lãi vay (interest coverage):**
A) 3.0 lần · B) 4.0 lần · C) 0.33 lần
- 16.** Giá đầu vào đang TĂNG. So với LIFO, công ty dùng FIFO báo cáo:
A) COGS cao hơn · B) Lợi nhuận gộp thấp hơn · C) Tồn kho cuối kỳ cao hơn
- 17.** (Đ/S) IFRS cho phép doanh nghiệp dùng LIFO nếu công bố rõ trong thuyết minh báo cáo tài chính.
- 18.** Công ty rút ngắn **thời gian hữu dụng (useful life)** ước tính của máy móc. Kế toán xử lý:
A) Điều chỉnh hồi tố các báo cáo đã phát hành
B) Ghi nhận ngay một khoản impairment
C) Áp dụng prospective từ kỳ hiện tại
- 19.** Năm đầu, khấu hao cho mục đích thuế NHANH hơn khấu hao sổ sách. Khoản mục phát sinh:
A) **Nợ thuế thu nhập hoãn lại (deferred tax liability)**
B) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
C) Chênh lệch vĩnh viễn
- 20.** Phân loại "lãi vay đã trả (interest paid)" trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
A) US GAAP: CFO; IFRS: CFO hoặc CFF
B) US GAAP: CFF; IFRS: CFO
C) Cả hai chuẩn đều bắt buộc CFO

✓ Đáp án

1. **S** — 7 năm là mức CFA Institute KHUYẾN NGHỊ khi không có quy định pháp lý hay chính sách công ty cụ thể hơn, không phải bắt buộc.
2. **S** — Bắt buộc là **tách mình khỏi vi phạm (dissociate)**; báo cơ quan quản lý chỉ bắt buộc khi luật yêu cầu.
3. **D** — VI(C) không cấm referral fee, chỉ yêu cầu khai báo cho employer, client và khách hàng tiềm năng TRƯỚC khi họ hành động theo giới thiệu.
4. **B** — Ghép thông tin công khai + không trọng yếu = mosaic theory, không vi phạm II(A).
5. **C** — Chia sẻ MNPI cho người có thể trade = tipping, vi phạm II(A); A và B đều là phản ứng đúng.
6. **B** — IV(C) đòi phản ứng kịp thời: giới hạn hoạt động + điều tra; nhắc nhở hay chờ đợi là chưa đủ.
7. **D** — *Least likely* đảo chiều câu hỏi; đáp án đúng thường là hành vi không vi phạm.
8. **S** — VI(B): client → employer → tài khoản cá nhân; lệnh cá nhân luôn đứng CUỐI.
9. **B** — Nguồn công khai không miễn nghĩa vụ ghi nguồn; plagiarism là một dạng misrepresentation dưới I(C).
10. **S** — Phải theo chuẩn NGHIÊM NGẶT hơn: Code & Standards cấm, dù luật địa phương cho phép.
11. **B** — Quick ratio = $(40 + 80) \div 80 = 1.5$; không tính tồn kho ($A = 2.25$ là current ratio).
12. **C** — ROA = $80 \div [(700 + 900) \div 2] = 10\%$. ROA nối P&L với balance sheet → mẫu số phải là BÌNH QUÂN; A chia cho tài sản cuối kỳ, B chia cho đầu kỳ.
13. **A** — ROE = $6\% \times 1.2 \times 2.5 = 18\%$; B là quên nhân đòn bẩy, C là quên vòng quay tài sản.
14. **A** — CCC = $50 + 40 - 60 = 30$ ngày.
15. **A** — Interest coverage = $120 \div 40 = 3.0$ lần.
16. **C** — FIFO khi giá tăng: tồn kho cuối kỳ mang chi phí mới (cao hơn); COGS thấp hơn và lợi nhuận gộp cao hơn nên A, B sai.
17. **S** — IFRS cấm LIFO tuyệt đối, không có ngoại lệ qua thuyết minh.
18. **C** — Thay đổi ước tính kế toán → áp dụng prospective, không điều chỉnh hồi tố.
19. **A** — Giá trị ghi sổ > cơ sở tính thuế → chênh lệch tạm thời chịu thuế → DTL.
20. **A** — US GAAP cố định interest paid vào CFO; IFRS cho chọn CFO hoặc CFF.

Từ Charter5m — app học CFA 5 phút/ngày song ngữ · charter5m.com

Charter5m là công cụ học độc lập, không liên kết với CFA Institute. CFA Institute không bảo trợ, xác nhận hay đảm bảo tính chính xác, chất lượng của tài liệu này. CFA® là nhãn hiệu đã đăng ký của CFA Institute.